

Số: 376/NQ-BCHHLGVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Hướng dẫn thi hành một số điều
của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 130/NV/DC/NĐ ngày 04 tháng 4 năm 1955 của Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội Luật gia Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Luật gia Việt Nam thông qua ngày 13 tháng 9 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Ban Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Ban Thường trực Trung ương Hội Luật gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-BCH ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam;

Theo Tờ trình số 371/TTr-BTVHLGVN ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, hội viên và các tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng, Ban Tổ chức TW, Ban Nội chính TW, Ủy ban Kiểm tra TW, Ban Dân vận TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam;
- Đảng Đoàn Hội Luật gia Việt Nam;
- Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Quyền

2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN

Thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 376/NQ-BCHHLGVN ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam Khóa XIII)

I. Điều 7: Tiêu chuẩn hội viên

1. Tiêu chuẩn hội viên

- Là công dân Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có bằng cử nhân luật, cử nhân luật chuyên ngành trở lên hoặc có bằng cử nhân trở lên thuộc chuyên ngành khác nhưng có thời gian làm công tác pháp luật từ đủ ba năm trở lên.

Làm công tác pháp luật được hiểu là làm chuyên môn, nghiệp vụ về nghiên cứu, xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hoạt động tư pháp, thanh tra, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật.

2. Hội viên danh dự

a) Tiêu chuẩn hội viên danh dự

- Là công dân Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có phẩm chất đạo đức tốt;
- Quan tâm, nhiệt tình, có đóng góp tích cực về vật chất, tinh thần cho việc phát triển tổ chức và hoạt động của Hội.

b) Thẩm quyền công nhận hội viên danh dự

Ban Thường vụ Hội Luật gia có thẩm quyền kết nạp hội viên quyết định công nhận hội viên danh dự.

3. Các trường hợp không kết nạp hội viên, công nhận hội viên danh dự

Người đáp ứng các tiêu chuẩn hội viên, hội viên danh dự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Mục này không được kết nạp hội viên, công nhận hội viên danh dự trong các trường hợp sau đây:

3.1. Người đang trong thời gian xem xét kỷ luật; đã bị kỷ luật mà chưa chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật;

3.2. Người đang trong thời gian xem xét xử lý vi phạm hành chính; đã bị xử lý vi phạm hành chính mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

3.3. Người đang trong thời gian bị điều tra, truy tố, xét xử; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

3.4. Người đã bị khai trừ ra khỏi Hội Luật gia Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày bị khai trừ.

II. Điều 10: Điều kiện, thủ tục kết nạp hội viên, chuyển sinh hoạt Hội, miễn sinh hoạt Hội, xin ra khỏi Hội

1. Điều kiện, thủ tục kết nạp hội viên

1.1. Điều kiện kết nạp hội viên

Người có đủ tiêu chuẩn hội viên quy định tại Khoản 1 Mục I Hướng dẫn này tự nguyện làm hồ sơ xin gia nhập Hội. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn xin gia nhập Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 01);
- b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu số 02);
- c) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học.

1.2. Nơi nhận hồ sơ xin gia nhập Hội

- a) Trường hợp người xin gia nhập Hội ở nơi có tổ chức Hội

Ở nơi có tổ chức Hội, nơi nhận hồ sơ xin gia nhập Hội là Chi hội Luật gia trực thuộc nơi người xin gia nhập Hội cư trú hoặc làm việc, công tác.

- b) Trường hợp người xin gia nhập Hội ở nơi chưa có tổ chức Hội

- Người xin gia nhập hội cư trú, làm việc trên địa bàn thuộc huyện nơi chưa có Chi hội Luật gia trực thuộc thì nơi nhận hồ sơ là Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp huyện;

- Người xin gia nhập hội cư trú, làm việc trên địa bàn thuộc huyện nơi chưa có Chi hội Luật gia trực thuộc, chưa có Hội Luật gia cấp huyện thì nơi nhận hồ sơ là Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp tỉnh;

- Người xin gia nhập Hội làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh nơi chưa có Chi hội Luật gia trực thuộc Hội Luật gia cấp tỉnh thì nơi nhận hồ sơ là Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp tỉnh;

- Người xin gia nhập Hội làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương nơi chưa có Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam thì nơi nhận hồ sơ là Ban Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

1.3. Trình tự, thủ tục kết nạp hội viên

a) Trường hợp người xin gia nhập Hội ở nơi có tổ chức Hội

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ xin gia nhập Hội, nếu người xin gia nhập Hội đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Hướng dẫn này thì Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc gửi Tờ trình, Danh sách đề nghị kết nạp hội viên (theo mẫu số 03) và hồ sơ của người xin gia nhập Hội tới Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì Chi hội Luật gia trực thuộc phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp người xin gia nhập Hội không đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Hướng dẫn này thì Chi hội Luật gia trực thuộc phải thông báo, trả hồ sơ cho người xin gia nhập Hội và nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ xin gia nhập Hội, Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định kết nạp (theo mẫu số 04), gửi quyết định kết nạp đến Chi hội Luật gia trực thuộc.

Trường hợp xét thấy người xin gia nhập Hội không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để kết nạp thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày xem xét hồ sơ xin gia nhập Hội, Ban Thường vụ Hội Luật gia đã xem xét phải thông báo, trả hồ sơ cho Chi hội Luật gia trực thuộc, nêu rõ lý do không kết nạp. Chi hội Luật gia trực thuộc thông báo và trả hồ sơ cho người xin gia nhập Hội.

b) Trường hợp người xin gia nhập Hội ở nơi chưa có tổ chức Hội

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ xin gia nhập Hội, nếu người xin gia nhập Hội đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp hội viên thì Ban Thường vụ Hội Luật gia có thẩm quyền ra quyết định kết nạp (theo mẫu số 04) và giới thiệu nơi sinh hoạt cho hội viên mới, gửi quyết định kết nạp đến Chi hội Luật gia trực thuộc nơi hội viên đến sinh hoạt.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận giúp việc Ban Thường vụ Hội Luật gia nhận hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp người xin gia nhập Hội không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp hội viên thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày xem xét kết nạp hội viên, Ban Thường vụ Hội Luật gia đã xem xét phải thông báo cho người xin gia nhập Hội và nêu rõ lý do không kết nạp.

1.4 Tổ chức trao Quyết định kết nạp

Chi hội Luật gia trực thuộc nơi hội viên sinh hoạt tổ chức công bố và trao Quyết định kết nạp hội viên tại kỳ sinh hoạt gần nhất.

1.5. Trình tự thủ tục công nhận hội viên danh dự thực hiện như trình tự, thủ tục kết nạp hội viên.

1.6. Quản lý hồ sơ hội viên

Hội Luật gia trực tiếp quản lý hội viên quản lý hồ sơ hội viên.

2. Chuyển sinh hoạt Hội

2.1. Hội viên chuyển nơi làm việc, nơi cư trú hoặc có lý do hợp lý khác muốn chuyển nơi sinh hoạt Hội thì làm đơn (theo mẫu số 05) gửi Chi hội Luật gia nơi hội viên đang sinh hoạt.

2.2. Thủ tục chuyển sinh hoạt Hội

- Hội viên chuyển sinh hoạt đến Chi hội Luật gia khác trong cùng Hội Luật gia trực tiếp quản lý thì Chi hội Luật gia có hội viên chuyển đi viết giấy giới thiệu (theo mẫu số 06a) giao cho hội viên chuyển đi, đồng thời báo cáo việc hội viên chuyển đi với Hội Luật gia quản lý trực tiếp.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giới thiệu chuyển đi, hội viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt với Chi hội nơi hội viên chuyển đến sinh hoạt trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Hội viên chuyển sinh hoạt ra ngoài Hội Luật gia trực tiếp quản lý thì Hội Luật gia trực tiếp quản lý viết giấy giới thiệu (theo mẫu số 06b), giao giấy giới thiệu và hồ sơ cho hội viên chuyển đi.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giới thiệu chuyển đi, hội viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt, nộp hồ sơ cho Hội Luật gia nơi chuyển đến sinh hoạt trừ trường hợp có lý do chính đáng.

3. Miễn sinh hoạt Hội

3.1. Điều kiện miễn sinh hoạt Hội

Hội viên có thể được miễn sinh hoạt Hội khi có một trong các lý do chính đáng sau:

- Do sức khỏe yếu không thể tham gia sinh hoạt Hội thường xuyên;
- Do điều kiện công tác không thể tham gia sinh hoạt Hội thường xuyên.

3.2. Quyền và nhiệm vụ của người được miễn sinh hoạt Hội:

Người được miễn sinh hoạt Hội được miễn tham gia các hoạt động và sinh hoạt thường xuyên của Hội.

Các quyền và nhiệm vụ khác của hội viên vẫn được đảm bảo và thực hiện đầy đủ.

3.3. Thủ tục miễn sinh hoạt Hội

- Hội viên xin miễn sinh hoạt Hội làm Đơn xin miễn sinh hoạt Hội (theo mẫu số 07) gửi Chi hội Luật gia trực thuộc nơi hội viên đang sinh hoạt.

- Nếu hội viên đủ điều kiện miễn sinh hoạt Hội thì Chi hội Luật gia trực thuộc đồng ý cho hội viên miễn sinh hoạt và báo cáo Hội Luật gia cấp trên trực tiếp. Trường hợp không đồng ý cho hội viên miễn sinh hoạt Hội phải nêu rõ lý do cho hội viên.

3.4. Trở lại sinh hoạt Hội

Khi người được miễn sinh hoạt có điều kiện sinh hoạt trở lại thì báo cáo Chi hội Luật gia trực thuộc đề tiếp tục sinh hoạt. Chi hội Luật gia trực thuộc báo cáo Hội Luật gia cấp trên trực tiếp về việc hội viên trở lại sinh hoạt.

4. Xin ra khỏi Hội

Khi hội viên xin ra khỏi Hội theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ Hội năm 2020 thì cấp Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên xem xét, ban hành Quyết định cho hội viên ra khỏi Hội (theo mẫu số 09).

III. Điều 11: Thẻ hội viên

1. Trình tự, thủ tục cấp thẻ hội viên

1.1. Ban Thường trực Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam gửi tới Cơ quan Trung ương Hội Luật gia Việt Nam:

- Tờ trình, Danh sách đề nghị cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 10a hoặc 10b);
- 02 ảnh màu 2 x 3 cm của mỗi cá nhân trong Danh sách;
- Phí làm thẻ theo Hướng dẫn của Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì Trung ương Hội Luật gia Việt Nam thông báo và hướng dẫn Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

1.2. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, ra quyết định cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 11).

Trường hợp không đủ điều kiện để cấp thẻ thì Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam thông báo Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội và nêu rõ lý do không cấp thẻ.

1.3. Chi hội Luật gia trực thuộc nơi hội viên sinh hoạt tổ chức công bố quyết định và trao thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam cho hội viên tại kỳ sinh hoạt gần nhất.

2. Trình tự, thủ tục đổi, cấp lại thẻ hội viên

2.1. Trường hợp hội viên bị mất thẻ hoặc thẻ hội viên bị hư hỏng, cũ, mờ, hội viên làm Đơn (theo mẫu số 12) kèm theo thẻ hội viên cũ (đối với trường hợp thẻ bị hư hỏng, cũ, mờ); 02 ảnh màu 2x3 cm; phí làm thẻ theo quy định gửi Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội.

Ban Thường trực Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội gửi Tờ trình, Danh sách đề nghị (theo mẫu số 10a hoặc 10b); 02 ảnh màu 2x3 cm; phí làm thẻ theo quy định của mỗi cá nhân trong Danh sách tới Cơ quan Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì Trung ương Hội Luật gia Việt Nam thông báo và hướng dẫn Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

2.2. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, ra quyết định đổi hoặc cấp lại thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 11).

Trường hợp không đủ điều kiện để đổi, cấp lại thẻ thì Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam thông báo cho Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội và nêu rõ lý do không đổi, cấp lại thẻ.

3. Thời gian xem xét, quyết định cấp, cấp lại, đổi thẻ hội viên

Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, quyết định cấp, cấp lại, đổi thẻ hội viên 04 đợt trong một năm vào các tháng cuối quý. Thời gian nhận hồ sơ của mỗi đợt cấp thẻ kết thúc vào ngày 15 của tháng cuối quý.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi thẻ hội viên

a) Đối với trường hợp hội viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội (điểm a khoản 2 Điều 11 Điều lệ Hội) hoặc có quyết định cho ra khỏi Hội (điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ Hội):

Hội Luật gia đã ban hành quyết định kỷ luật hoặc quyết định cho hội viên ra khỏi Hội đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định thu hồi thẻ hội viên. Hội Luật gia cấp huyện gửi đề nghị qua Hội Luật gia cấp tỉnh để tổng hợp trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 13) quyết định.

b) Đối với trường hợp hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ hai năm trở lên (điểm c khoản 2 Điều 11 Điều lệ Hội):

Chi hội Luật gia có hội viên đang sinh hoạt báo cáo lên Hội Luật gia cấp trên trực tiếp để đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định thu hồi thẻ hội viên.

Hội Luật gia cấp huyện gửi đề nghị qua Hội Luật gia cấp tỉnh. Hội Luật gia cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam (theo mẫu số 14) xem xét, ban hành quyết định thu hồi thẻ hội viên.

c) Căn cứ quyết định thu hồi thẻ hội viên của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Chi hội Luật gia có hội viên bị thu hồi thẻ thực hiện việc thu hồi thẻ hội viên.

5. Thẻ hội viên danh dự

- Thẻ hội viên danh dự của Hội Luật gia Việt Nam do Trung ương Hội Luật gia Việt Nam cấp cho hội viên danh dự của Hội trong phạm vi toàn quốc.

- Trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hội viên danh dự thực hiện như trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hội viên.

- Ban Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam quy định mẫu thẻ hội viên danh dự.

IV. Điều 12: Tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam

1. Tổ chức thống nhất trên phạm vi toàn quốc

Hội Luật gia Việt Nam là tổ chức thống nhất trong phạm vi cả nước. Mối quan hệ giữa các cấp Hội là: chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ; thống nhất nội dung, hình thức tổ chức và hoạt động Hội theo Điều lệ, Nghị quyết, Quy chế, Quy định, Quyết định của Hội Luật gia Việt Nam; hướng dẫn thống nhất tổ chức thực hiện văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan tới tổ chức và hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam; tổng kết, đánh giá về kết quả hoạt động của Hội, về thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam.

2. Chi hội Luật gia trực thuộc

2.1. Điều kiện thành lập

Ở các tổ chức, đơn vị, địa bàn có từ 5 (năm) hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc.

2.2. Cơ cấu tổ chức

Đối với các Chi hội Luật gia trực thuộc có từ 30 (ba mươi) hội viên trở lên có thể thành lập Tổ hội để thuận tiện cho việc quản lý, tổ chức sinh hoạt. Mỗi Tổ hội phải có ít nhất 03 hội viên.

Tổ hội có dưới 6 hội viên có Tổ trưởng; từ 6 hội viên trở lên có Tổ trưởng, Tổ phó. Tổ trưởng, Tổ phó do Ban Chấp hành Chi hội chỉ định.

Việc thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể Tổ hội do Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc quyết định.

2.3. Quy trình thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc

Khi có đủ điều kiện để thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc, Hội Luật gia có thẩm quyền thành lập Chi hội gửi văn bản xin ý kiến của cấp ủy cơ quan, tổ

chức, đơn vị chủ quản dự kiến thành lập Chi hội về chủ trương thành lập Chi hội, dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Chi hội trưởng, Chi hội phó.

Sau khi có văn bản trả lời của cấp ủy cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản dự kiến thành lập Chi hội đồng ý về chủ trương thành lập Chi hội, giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành, Chi hội trưởng, Chi hội phó, Ban Thường vụ Hội Luật gia có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc (theo mẫu số 15), chỉ định Ban Chấp hành, Chi hội trưởng, Chi hội phó lâm thời.

Trường hợp Chi hội được thành lập có thời gian còn trên ba năm trở lên tính đến thời gian tổ chức Đại hội thống nhất chung thì tổ chức Đại hội chậm nhất là 3 tháng kể từ ngày có Quyết định thành lập với nhiệm kỳ đến thời điểm tổ chức Đại hội thống nhất chung.

Trường hợp Chi hội được thành lập có thời gian còn ba năm trở xuống tính đến thời gian tổ chức Đại hội thống nhất chung thì tổ chức Đại hội cùng thời điểm tổ chức Đại hội thống nhất chung.

V. Khoản 2 Điều 13: Về công nhận kết quả bầu cử

1. Điều lệ Hội không quy định việc công nhận kết quả bầu cử giữa các cấp Hội. Sau khi tiến hành bầu cử, Ban Chấp hành Hội Luật gia cùng cấp ban hành Nghị quyết về kết quả bầu cử.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả bầu cử, các cấp Hội báo cáo kết quả bầu cử theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 25 và điểm a Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ Hội.

2. Công nhận kết quả bầu cử của Chi hội Luật gia trực thuộc

Kết quả bầu cử của Chi hội Luật gia trực thuộc được Ban Thường vụ Hội Luật gia quản lý trực tiếp quyết định công nhận (theo mẫu số 16).

Ban Thường vụ có thể ủy quyền cho Ban Thường trực quyết định công nhận kết quả bầu cử của Chi hội Luật gia trực thuộc.

VI. Điều 15 và Điều 21: Về Đại hội Hội Luật gia các cấp

1. Thời gian tổ chức Đại hội

Kể từ nhiệm kỳ 2024 – 2029, các cấp Hội, Chi hội Luật gia trực thuộc tổ chức Đại hội trong cùng một năm theo kế hoạch, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

2. Đại hội đại biểu và Đại hội toàn thể hội viên

2.1. Hội Luật gia Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc;

2.2. Các cấp Hội, Chi hội Luật gia trực thuộc có dưới 100 (một trăm) hội viên tổ chức Đại hội toàn thể hội viên, từ 100 (một trăm) hội viên trở lên có thể tổ chức Đại hội đại biểu.

VII. Điểm c Khoản 2 Điều 16, Điểm b Khoản 2 Điều 22, Điểm b Khoản 2 Điều 24: Về miễn nhiệm, bầu bổ sung

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bầu bổ sung

1.1. Trường hợp hội viên giữ các chức vụ trong cơ quan lãnh đạo Hội, Chi hội Luật gia trực thuộc chết thì đương nhiên chấm dứt tư cách hội viên và các chức vụ trong cơ quan lãnh đạo Hội, Chi hội Luật gia trực thuộc. Ban Thường vụ Hội, đại diện lãnh đạo Chi hội thực hiện quy trình chuẩn bị nhân sự, báo cáo Ban Chấp hành cùng cấp để bầu bổ sung người thay thế vị trí khuyết.

1.2. Trường hợp hội viên giữ các chức vụ trong cơ quan lãnh đạo Hội chuyển công tác, thay đổi nơi cư trú hoặc vì những lý do khác mà không thể tiếp tục đảm nhiệm các chức vụ đó thì Ban Thường vụ Hội, đại diện lãnh đạo Chi hội báo cáo Ban Chấp hành cùng cấp để miễn nhiệm các chức vụ trong cơ quan lãnh đạo Hội của người đó; đồng thời thực hiện quy trình chuẩn bị nhân sự để trình Ban Chấp hành bầu bổ sung người thay thế vị trí khuyết.

1.3. Trường hợp lãnh đạo ngành tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm không còn giữ chức vụ lãnh đạo của ngành đó nữa thì Ban Thường vụ trao đổi, thống nhất với cấp ủy của ngành để miễn nhiệm chức vụ Hội của người đó, đồng thời giới thiệu người thay thế để bầu bổ sung.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm

2.1. Miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký do Ban Thường vụ Hội trình Ban Chấp hành cùng cấp về trường hợp đề nghị miễn nhiệm, nêu rõ lý do đề nghị miễn nhiệm.

Miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Kiểm tra trình Ban Chấp hành cùng cấp về trường hợp đề nghị miễn nhiệm, nêu rõ lý do đề nghị miễn nhiệm.

2.2. Ban Chấp hành biểu quyết việc miễn nhiệm.

3. Trình tự, thủ tục bầu bổ sung

3.1. Bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra

a) Ban Thường vụ Hội giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành kèm theo hồ sơ nhân sự;

Ban Kiểm tra giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Kiểm tra kèm theo hồ sơ nhân sự.

b) Hội viên ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra gửi đơn ứng cử, phiếu đề cử (nêu rõ lý do ứng cử, đề cử) kèm theo hồ sơ nhân sự tới Ban Thường vụ Hội, Ban Kiểm tra trước kỳ họp Ban Chấp hành ít nhất 10 ngày làm việc.

c) Hồ sơ nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Kiểm tra bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu số 17);
- Nhận xét của Chi hội trực thuộc nơi hội viên đang sinh hoạt;

d) Ban Chấp hành biểu quyết danh sách nhân sự và tiến hành bầu cử.

3.2. Bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra

a) Ban Thường vụ Hội giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký kèm theo lý lịch trích ngang của nhân sự (theo mẫu số 19);

Ban Kiểm tra giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra kèm theo lý lịch trích ngang của nhân sự (theo mẫu số 18).

b) Ủy viên Ban Chấp hành ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra gửi đơn ứng cử, phiếu đề cử (nêu rõ lý do ứng cử, đề cử) gửi Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra trước kỳ họp Ban Chấp hành ít nhất 10 ngày làm việc.

c) Ban Thường vụ tổng hợp danh sách nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký, lập lý lịch trích ngang trình Ban Chấp hành;

Ban Kiểm tra tổng hợp danh sách nhân sự bầu bổ sung Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra, lập lý lịch trích ngang trình Ban Chấp hành.

d) Ban Chấp hành biểu quyết danh sách nhân sự và tiến hành bầu cử.

VIII. Điều 25: Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp huyện

Đối với Hội Luật gia cấp huyện đã tổ chức Đại hội trước ngày 05 tháng 6 năm 2020 và bầu các cơ quan lãnh đạo Hội theo quy định của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam năm 2010, chưa bầu Ban Thường vụ thì Ban Chấp hành tổ chức Hội nghị để bầu Ban Thường vụ Hội theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam năm 2020.

IX. Khoản 3 Điều 34: về thẩm quyền, quy trình xử lý Kỷ luật

1. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1.1. Ban Chấp hành tiến hành xem xét xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Kiểm tra.

1.2. Ban Thường vụ Hội tiến hành xem xét xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với Chi hội trưởng, Chi hội phó Chi hội Luật gia trực thuộc.

1.3. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm tiến hành xem xét xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với người giữ chức vụ lãnh đạo trong tổ chức trực thuộc Hội.

1.4. Ban Thường trực Hội Luật gia quản lý trực tiếp tiến hành xem xét xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với hội viên.

1.5. Ban Thường vụ Hội Luật gia quản lý trực tiếp tiến hành xem xét xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với tổ chức trực thuộc Hội.

2. Quy trình xử lý kỷ luật

2.1. Tổ chức họp kiểm điểm

a) Cuộc họp kiểm điểm được tiến hành như sau:

- Họp kiểm điểm đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Thư ký, Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Kiểm tra có hành vi vi phạm:

Ban Thường vụ Hội Luật gia cùng cấp chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Cuộc họp phải có ít nhất 2/3 số Ủy viên Ban Thường vụ, đại diện Ban Kiểm tra tham dự.

- Đối với Chi hội trưởng, Chi hội phó Chi hội Luật gia trực thuộc:

Ban Thường trực Hội Luật gia quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Cuộc họp phải có ít nhất 2/3 số Ủy viên Ban Thường trực và toàn thể Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc Hội có người vi phạm, đại diện Ban Kiểm tra tham dự.

- Đối với hội viên không giữ chức vụ trong cơ quan lãnh đạo Hội:

Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp Chi hội để người có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Cuộc họp phải có ít nhất 2/3 tổng số hội viên trong Chi hội, đại diện Ban Kiểm tra tham dự.

- Đối với tổ chức trực thuộc Hội:

Ban Thường trực Hội Luật gia quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để đại diện tổ chức có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Cuộc họp phải có ít nhất 2/3 số Ủy viên Ban Thường trực và toàn thể Ban lãnh đạo tổ chức trực thuộc có hành vi vi phạm, đại diện Ban Kiểm tra tham dự.

- Đối với người có chức vụ lãnh đạo trong tổ chức trực thuộc Hội:

Ban Thường trực Hội Luật gia quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Cuộc họp phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tổ chức trực thuộc có người vi phạm, đại diện Ban Kiểm tra tham dự.

b) Tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trường hợp tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên có hành vi vi phạm không làm bản kiểm điểm hoặc vắng mặt 3 lần không có lý do chính đáng thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

c) Nội dung các cuộc họp kiểm điểm tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều này phải được lập thành biên bản. Biên bản các cuộc họp kiểm điểm phải có kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên có hành vi vi phạm.

2.2. Quyết định kỷ luật

a) Trình tự ra quyết định kỷ luật

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, cấp có trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm phải có văn bản kiến nghị việc xử lý kỷ luật (kèm theo hồ sơ xử lý kỷ luật bao gồm: biên bản họp kiểm điểm và các tài liệu có liên quan) gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý kỷ luật;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của cấp có trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật (theo mẫu số 19) hoặc kết luận tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên không vi phạm;

b) Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

c) Sau 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, nếu tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

Trường hợp tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm mới có hiệu lực.

d) Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên bị kỷ luật.

2.3. Khiếu nại quyết định kỷ luật

Tổ chức trực thuộc Hội, cán bộ Hội, hội viên bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật theo quy định về khiếu nại tại Hướng dẫn này.

X. Điều 35: Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Mục 1. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Khiếu nại

Tổ chức, cán bộ Hội, hội viên có quyền khiếu nại (gọi chung là người khiếu nại) các quyết định, hành vi của tổ chức, cán bộ Hội có thẩm quyền áp dụng đối với mình mà người khiếu nại cho là trái với Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam, Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế của Hội xâm phạm tới quyền và lợi ích của mình.

Thời hiệu khiếu nại là 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc có hành vi bị cho là sai trái.

2. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

2.1. Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các khiếu nại quyết định, hành vi của mình, của Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, đơn vị trực thuộc thuộc quyền quản lý của mình.

2.2. Ban Thường vụ Hội Luật gia cùng cấp giải quyết Khiếu nại lần hai đối với khiếu nại quyết định, hành vi mà Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là quyết định cuối cùng.

3. Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết

Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:

- Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;
- Đơn khiếu nại không có chữ ký của người khiếu nại;
- Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;
- Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

4. Thụ lý giải quyết khiếu nại

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp khiếu nại không thụ lý giải quyết, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

5. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra trong giải quyết khiếu nại

Ban Kiểm tra có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

5.1. Chủ trì hoặc tham gia Đoàn kiểm tra xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp;

5.2. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực.

6 Thời hạn giải quyết khiếu nại

6.1. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại;

6.2. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại.

7. Yêu cầu giải trình và cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại

7.1. Sau khi tiếp nhận khiếu nại, người giải quyết khiếu nại yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại; yêu cầu người bị khiếu nại giải trình bằng văn bản và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung bị khiếu nại.

7.2. Thời hạn yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và giải trình phải trong thời hạn giải quyết khiếu nại.

7.3. Qua nghiên cứu nội dung khiếu nại, thông tin, tài liệu, chứng cứ do người khiếu nại cung cấp; hồ sơ, tài liệu và văn bản giải trình của người bị khiếu nại, nếu thấy quyết định, hành vi của người bị khiếu nại là đúng quy định của Điều lệ Hội, Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế của Hội thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay. Trường hợp chưa đủ căn cứ cho việc giải quyết khiếu nại thì tiến hành xác minh nội dung khiếu nại.

8. Kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại

8.1. Sau khi tiếp nhận khiếu nại, người giải quyết khiếu nại phải kiểm tra lại quyết định, hành vi bị khiếu nại. Nội dung kiểm tra lại bao gồm: Căn cứ ban hành quyết định, thực hiện hành vi; thẩm quyền ban hành quyết định, thực hiện hành vi; nội dung của quyết định, việc thực hiện hành vi; trình tự, thủ tục ban hành quyết định; các nội dung khác (nếu có).

8.2. Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại

Người giải quyết khiếu nại quyết định giao Ban Kiểm tra cùng cấp tiến hành xác minh nội dung khiếu nại;

Khi cần thiết, người giải quyết khiếu nại thành lập Đoàn kiểm tra xác minh nội dung khiếu nại.

9. Thực hiện xác minh nội dung khiếu nại

9.1. Thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung khiếu nại

a) Làm việc trực tiếp với người khiếu nại

- Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra làm việc trực tiếp và yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại;

- Nội dung làm việc được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung và có chữ ký của các bên. Biên bản được lập thành ít nhất hai bản, mỗi bên giữ một bản;

- Trong trường hợp không làm việc trực tiếp vì lý do khách quan thì Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra có văn bản yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại.

b) Làm việc trực tiếp với người bị khiếu nại

- Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra làm việc trực tiếp và yêu cầu người bị khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung bị khiếu nại, giải trình về quyết định, hành vi bị khiếu nại;

- Nội dung làm việc được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung và có chữ ký của các bên. Biên bản được lập thành ít nhất 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

9.2. Tổ chức đối thoại

a) Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại.

b) Thành phần tham gia đối thoại, nội dung đối thoại

- Thành phần tham gia đối thoại gồm: Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra, người khiếu nại, người bị khiếu nại, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung đối thoại;

- Nội dung đối thoại: Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra khi đối thoại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, bổ sung thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

c) Việc đối thoại được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, nội dung, ý kiến của những người tham gia, những nội dung đã

được thống nhất, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và có chữ ký của các bên. Biên bản được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

d) Trong trường hợp vắng mặt người khiếu nại hoặc người bị khiếu nại thì lập biên bản không đối thoại được. Việc có tổ chức đối thoại tiếp hay không do cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định.

10. Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại

10.1. Ban Kiểm tra hoặc Đoàn Kiểm tra báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại bằng văn bản với người giải quyết khiếu nại.

10.2. Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại phải bao gồm các nội dung: Đối tượng xác minh; thời gian tiến hành xác minh; người tiến hành xác minh; nội dung xác minh; kết quả xác minh; kết luận và kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại. Trong báo cáo phải thể hiện rõ thông tin về người khiếu nại, người bị khiếu nại, quyết định, hành vi, yêu cầu của người khiếu nại, căn cứ để khiếu nại; kết quả giải quyết khiếu nại trước đó (nếu có); kết quả xác minh đối với từng nội dung được giao xác minh; kết luận nội dung khiếu nại được giao xác minh là đúng toàn bộ, sai toàn bộ hoặc đúng một phần; kiến nghị giữ nguyên, hủy bỏ toàn bộ hoặc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định, hành vi bị khiếu nại; kiến nghị về việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

11. Quyết định giải quyết khiếu nại

11.1. Căn cứ quy định của Điều lệ Hội và Hướng dẫn này, báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại đã được phê duyệt, Ban Kiểm tra dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại trình người có thẩm quyền ký, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

11.2. Quyết định giải quyết khiếu nại phải có các nội dung sau đây: Ngày, tháng, năm ra quyết định; tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; kết quả đối thoại (nếu có); căn cứ để giải quyết khiếu nại; kết luận nội dung khiếu nại; giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định, chấm dứt hành vi bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại; quyền khiếu nại lần hai.

11.3. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại tiếp theo; quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

11.4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, quyết định giải quyết khiếu nại phải được gửi cho tổ chức, cá nhân liên quan.

12. Lập và lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại

Việc giải quyết khiếu nại phải được lập hồ sơ và lưu trữ tại Ban Kiểm tra.

Mục 2. Tố cáo và Giải quyết tố cáo

1. Tố cáo

Cán bộ Hội, hội viên có quyền tố cáo (gọi chung là người tố cáo) các hành vi vi phạm Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam, Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế do Hội ban hành của các tổ chức, cán bộ Hội, hội viên khác.

2. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

- Chủ tịch Hội Luật gia các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam, Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế do Hội ban hành của tổ chức, cán bộ Hội, hội viên thuộc quyền quản lý của mình.

- Ban Thường vụ Hội Luật gia các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam, Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế do Hội ban hành của Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp.

3. Thụ lý tố cáo

Người giải quyết tố cáo thụ lý tố cáo khi vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; nội dung tố cáo có cơ sở xác định có vi phạm; đơn tố cáo có địa chỉ rõ ràng và có chữ ký của người tố cáo.

Không thụ lý đơn tố cáo nặc danh, mạo danh

4. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra trong giải quyết tố cáo

Ban Kiểm tra có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

4.1. Tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết tố cáo;

4.2. Chủ trì hoặc tham gia Đoàn Kiểm tra xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Thời hạn giải quyết tố cáo

5.1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tố cáo.

5.2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 45 ngày làm việc.

5.3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 45 ngày làm việc.

5.4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Xác minh nội dung tố cáo

6.1. Ban Thường vụ hoặc Chủ tịch Hội quyết định giao Ban Kiểm tra tiến hành xác minh nội dung tố cáo hoặc thành lập Đoàn kiểm tra xác minh nội dung tố cáo.

6.2. Thu thập thông tin, tài liệu

a) Yêu cầu người tố cáo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

b) Yêu cầu người bị tố cáo giải trình và cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

c) Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo từ các nguồn khác;

d) Việc thu thập thông tin tài liệu phải được lập biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung thu thập thông tin tài liệu.

6.3. Người giải quyết tố cáo, Ban Kiểm tra, Đoàn Kiểm tra xác minh nội dung tố cáo phải đảm bảo bí mật thông tin cá nhân của người tố cáo.

7. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo

Ban Kiểm tra, Đoàn Kiểm tra xác minh nội dung tố cáo báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo bằng văn bản với người giải quyết tố cáo. Báo cáo phải có các nội dung chính sau:

7.1. Tóm tắt nội dung tố cáo;

7.2. Kết quả xác minh từng nội dung tố cáo;

7.3. Nội dung giải trình của người bị tố cáo;

7.4. Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo được giao xác minh là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc người tố cáo có ý tố cáo sai sự thật (nếu có);

7.5. Nhận xét, đánh giá về hành vi vi phạm của người bị tố cáo, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần;

7.6. Thiệt hại về vật chất, tinh thần do hành vi vi phạm gây ra; đối tượng bị thiệt hại;

7.7. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong Ban Kiểm tra, Đoàn Kiểm tra (nếu có);

7.8. Kiến nghị với cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý.

8. Kết luận nội dung tố cáo

8.1. Thông báo dự thảo kết luận báo cáo: Trước khi ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo tổ chức cuộc họp để thông báo trực tiếp hoặc gửi dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình (nếu có).

Trường hợp trong dự thảo kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo thông tin đó.

8.2. Ban hành kết luận nội dung tố cáo

a) Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo.

b) Kết luận nội dung tố cáo phải có các nội dung chính sau đây:

- Kết quả xác minh nội dung tố cáo;
- Căn cứ để xác định có hay không có hành vi vi phạm;
- Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;

- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân có vi phạm;

9. Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo

Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

9.1. Trường hợp kết luận tố cáo sai sự thật thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

9.2. Trường hợp kết luận tố cáo đúng sự thật thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý.

10. Lập và lưu trữ hồ sơ giải quyết tố cáo

Việc giải quyết tố cáo phải được lập hồ sơ và lưu trữ tại Ban Kiểm tra.

XI. Tổ chức thực hiện

Các tổ chức, đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội, Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cấp Hội, Chi hội trực thuộc, các tổ chức, đơn vị trực thuộc và hội viên báo cáo với Trung ương Hội Luật gia Việt Nam để xem xét, giải quyết./.

TM. BAN CHẤP HÀNH
GIA
CHỦ TỊCH
TRUNG ƯƠNG
HỘI
Nguyễn Văn Quyền



DANH MỤC BIỂU MẪU
Hướng dẫn thi hành một số điều của
Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam năm 2020

Nội dung	Biểu mẫu	Ghi chú
I. Hướng dẫn Điều 10		
1. Điều kiện kết nạp hội viên		
- Đơn xin gia nhập Hội Luật gia Việt Nam	mẫu số 01	
- Sơ yếu lý lịch xin gia nhập Hội Luật gia Việt Nam	mẫu số 02	
2. Trình tự, thủ tục kết nạp hội viên		
- Tờ trình, Danh sách đề nghị kết nạp hội viên	mẫu số 03	
- Quyết định về việc kết nạp hội viên Hội Luật gia Việt Nam	mẫu số 04	
3. Chuyển sinh hoạt Hội		
- Đơn xin chuyển sinh hoạt Hội	mẫu số 05	
- Giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt Hội	mẫu số 06a mẫu số 06b	
4. Miễn sinh hoạt Hội		
- Đơn xin miễn sinh hoạt Hội	mẫu số 07	
5. Xin ra khỏi Hội		
- Đơn xin ra khỏi Hội	mẫu số 08	
- Quyết định về việc cho hội viên ra khỏi Hội	mẫu số 09	
II. Hướng dẫn Điều 11		
1. Trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ hội viên		
- Tờ trình, Danh sách đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam	mẫu số 10a mẫu số 10b	
- Quyết định về việc cấp thẻ hội viên Hội	mẫu số 11	

Luật gia Việt Nam		
- Đơn xin đổi, cấp lại thẻ hội viên	mẫu số 12	
2. Trình tự, thủ tục thu hồi thẻ hội viên		
- Tờ trình, Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam (đối với hội viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội hoặc hội viên có quyết định cho ra khỏi Hội)	mẫu số 13	
- Tờ trình, Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam (đối với hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ hai năm trở lên)	mẫu số 14a mẫu số 14b	
III. Chi hội Luật gia trực thuộc		
- Quyết định về việc thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc	mẫu số 15	
- Quyết định về việc công nhận Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc	mẫu số 16	
IV. Trình tự, thủ tục bầu bổ sung		
1. Sơ yếu lý lịch ứng cử Ban Chấp hành hoặc Ban Kiểm tra	mẫu số 17	
2. Lý lịch trích ngang giới thiệu ứng cử	mẫu số 18	
V. Quyết định kỷ luật	mẫu số 19	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA NHẬP HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Kính gửi: - Ban Thường vụ Hội Luật gia;
- Chi hội Luật gia

Tên tôi là: Giới tính: Nam Nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Nơi thường trú (Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng, thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương):
.....
.....

Nơi ở hiện tại (Chỉ ghi nếu khác nơi thường trú):

Nơi làm việc:

Điện thoại: Cơ quan: Di động: Email:

Trình độ chuyên môn:

Thời gian làm công tác pháp luật⁽¹⁾:

Sau khi nghiên cứu kỹ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam, tôi tán thành Điều lệ Hội và làm đơn này xin được gia nhập Hội Luật gia Việt Nam.

(Kèm theo Đơn xin gia nhập này 01 bản sơ yếu lý lịch có xác nhận; 01 bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học).

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Là thời gian đang làm công tác pháp luật hoặc thời gian đã làm công tác pháp luật trước khi nghỉ, chuyển sang làm công tác khác.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Xin gia nhập Hội Luật gia Việt Nam)

Ảnh 3 x 4 cm

- 1) Họ và tên khai sinh:
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày tháng năm Giới tính: Nam Nữ
- 4) Nơi sinh:
- 5) Quê quán: (xã, phường)....., (huyện, quận)
- (tỉnh, TP)
- 6) Nơi ở hiện nay: (số nhà, đường phố, xã, huyện, tỉnh/ TP)
-
- Điện thoại: Cơ quan: Di động: Email:
- 7) Nghề nghiệp, Chức vụ hiện nay: (Đảng, đoàn thể, Chính quyền):
-
-
- 8) Dân tộc:; 9) Tôn giáo:
- 10) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: / /; Ngày chính thức: / /
- 11) Trình độ học vấn:
- Giáo dục phổ thông (Lớp mấy):
 - Học hàm, học vị cao nhất (GS, PGS, TS, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư...):
- 12) Lý luận chính trị (Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp):
- Ngoại ngữ (Tiếng Anh: A/B/C/D):
- 13) Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND (năm, khóa...):
-
- 14) Danh hiệu được phong:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú)

15) Khen thưởng (Huân, huy chương, Bằng khen của Thủ tướng, năm nào):

16) Kỷ luật (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức....):

17) Tình trạng sức khoẻ (tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính gì):

18) Số CMND/CCCD:, Ngày cấp, Nơi cấp

20) Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, Đoàn thể)

(Đề nghị đóng dấu giáp lai vào ảnh dán Sơ yếu lý lịch)

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai
trên đây là đúng sự thật.
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi công tác
hoặc UBND địa phương nơi cư trú**
(Ký tên, đóng dấu)

HỘI LUẬT GIA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI HỘI GIA LUẬT GIA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

....., ngày tháng năm

Số:/.....

TỜ TRÌNH
Về việc kết nạp hội viên

Kính gửi: Ban Thường vụ (1)

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Chi hội Luật gia
kính đề nghị Ban Thường vụ (1)

xem xét, quyết định kết nạp hội viên Hội Luật gia Việt Nam đối với (2)
ông/ bà có tên trong danh sách kèm theo.

(Kèm theo Tờ trình này Danh sách đề nghị kết nạp hội viên và bộ hồ sơ⁽³⁾ xin gia nhập Hội Luật gia Việt Nam của những người trong Danh sách).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHẤP HÀNH

..... (4)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Chi hội Luật gia trực thuộc gửi Tờ trình, Danh sách đề nghị kết nạp hội viên và hồ sơ của hội viên tới Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.
- (2) Số người đề nghị kết nạp làm hội viên Hội Luật gia Việt Nam.
- (3) 01 bộ hồ sơ bao gồm: 01 Đơn xin gia nhập; 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận; 01 bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học.
- (4) Chức danh của người ký Tờ trình.

HỘI LUẬT GIA¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN THƯỜNG VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kết nạp hội viên Hội Luật gia Việt Nam

BAN THƯỜNG VỤ HỘI LUẬT GIA¹

Căn cứ²

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Theo đề nghị của Chi hội Luật gia

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết nạp ông (bà) có tên dưới đây vào Hội Luật gia Việt Nam, sinh hoạt tại Chi hội Luật giatrực thuộc Hội Luật gia.....:

1.....
.....

Các ông (bà) có tên trên là hội viên Hội Luật gia Việt Nam, có trách nhiệm thực hiện các quyền và nhiệm vụ của hội viên theo quy định của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều (Tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan).....và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Lưu: VT,⁴⁵.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

.....³

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Cấp Hội có thẩm quyền ban hành Quyết định kết nạp hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

² Quyết định thành lập Hội.

³ Chức vụ của người ký.

⁴ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

⁵ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CHUYỂN SINH HOẠT HỘI

Kính gửi: Chi hội Luật gia⁽¹⁾

Tên tôi là: Giới tính: Nam Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh:
 Hiện đang sinh hoạt Hội tại Chi hội Luật gia:
 Thuộc Hội Luật gia:
 Số thẻ hội viên:
 Điện thoại: Email:
 Tôi làm đơn này xin được chuyển sinh hoạt Hội do
⁽²⁾
 Nơi chuyển đến:

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hội viên chuyển nơi làm việc, nơi cư trú hoặc có lý do hợp lý khác muốn chuyển nơi sinh hoạt Hội làm đơn gửi Chi hội Luật gia nơi hội viên đang sinh hoạt.

(2) Nêu lý do xin chuyển sinh hoạt Hội.

HỘI LUẬT GIA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI HỘI LUẬT GIA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(1)

....., ngày tháng năm

Số:/.....

GIẤY GIỚI THIỆU
Chuyển sinh hoạt Hội

Kính gửi: Chi Hội Luật gia (2)

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Xét nguyện vọng cá nhân của hội viên
 tại Đơn xin chuyển sinh hoạt Hội ngày,

Chi hội Luật gia (1)
 giới thiệu hội viên chuyển đến sinh hoạt Hội
 tại Chi hội Luật gia..... (2)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHẤP HÀNH

(3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Chi hội Luật gia nơi hội viên đang sinh hoạt.
- (2) Chi hội Luật gia khác trong cùng Hội Luật gia trực tiếp quản lý.
- (3) Chức danh của người ký Giấy giới thiệu.

HỘI LUẬT GIA⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

GIẤY GIỚI THIỆU
Chuyển sinh hoạt Hội

Kính gửi: Hội Luật gia⁽²⁾

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Xét nguyện vọng cá nhân của hội viên
tại Đơn xin chuyển sinh hoạt Hội ngày,

Hội Luật gia⁽¹⁾
giới thiệu hội viên chuyển đến sinh hoạt Hội
tại Hội Luật gia⁽²⁾

Trân trọng./.

Nơi nhân:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

.....⁽³⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hội Luật gia trực tiếp quản lý hội viên.
- (2) Hội Luật gia nơi hội viên xin chuyển đến sinh hoạt.
- (3) Chức danh của người ký Giấy giới thiệu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN MIỄN SINH HOẠT HỘI

Kính gửi: (1)

Tên tôi là: Giới tính: Nam Nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

Hiện đang sinh hoạt Hội tại Chi hội Luật gia:

Thuộc Hội Luật gia:

Số thẻ hội viên:

Điện thoại: Email:

Tôi làm đơn này xin được miễn sinh hoạt Hội do

..... (2)

Trân trọng./.

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hội viên xin miễn sinh hoạt Hội làm Đơn xin miễn sinh hoạt Hội gửi Chi hội Luật gia trực thuộc nơi hội viên đang sinh hoạt.

(2) Nêu lý do xin miễn sinh hoạt Hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN RA KHỎI HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Kính gửi: - Ban Thường vụ Hội Luật gia;
- Chi hội Luật gia

Tên tôi là: Giới tính: Nam Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:
Hiện đang sinh hoạt Hội tại Chi hội Luật gia:
Thuộc Hội Luật gia:
Số thẻ hội viên:
Điện thoại: Email:
Tôi làm đơn này xin được ra khỏi Hội Luật gia Việt Nam do
.....
..... (1)

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm

Ý kiến của Chi hội Luật gia

.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Nếu lý do xin ra khỏi Hội Luật gia Việt Nam.

HỘI LUẬT GIA¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN THƯỜNG VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho hội viên ra khỏi Hội

BAN THƯỜNG VỤ HỘI LUẬT GIA¹

Căn cứ²

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam;

Xét đơn xin ra khỏi Hội của ông (bà)

Theo đề nghị của Chi hội Luật gia

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho ra khỏi Hội và chấm dứt tư cách hội viên Hội Luật gia Việt Nam đối với ông(bà).....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. (Tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;

-

- Lưu: VT, ...⁵

TM. BAN THƯỜNG VỤ

.....⁴

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Cấp Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên xem xét, ban hành Quyết định cho hội viên ra khỏi Hội.

³ Quyết định thành lập Hội.

⁴ Chức vụ của người ký.

⁴ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

⁵ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

HỘI LUẬT GIA TỈNH/ TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN THƯỜNG TRỰC

....., ngày tháng năm

Số:/.....

TỜ TRÌNH**VỀ VIỆC CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI THẺ HỘI VIÊN**

Kính gửi: Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Hội Luật gia tỉnh/ thành phố kính đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam cho hội viên thuộc Hội Luật gia tỉnh/ thành phố (Trong đó, cấp mới thẻ hội viên; đổi thẻ hội viên; cấp lại thẻ hội viên).

Kèm theo Tờ trình này:

- Danh sách đề nghị cấp, đổi và cấp lại thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam;
- 02 ảnh 2x3 cm của mỗi cá nhân trong Danh sách;
- Quyết định kết nạp hội viên (đối với trường hợp cấp thẻ cho hội viên mới);
- Thẻ hội viên cũ (đối với trường hợp thẻ bị hư hỏng, cũ, mờ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

..... (1)

*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Chức danh của người ký Tờ trình.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ
CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI THẺ HỘI VIÊN HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
(Kèm theo Tờ trình số ngày về việc cấp, đổi, cấp lại
thẻ hội viên của Hội Luật gia tỉnh/ thành phố)

I. Danh sách đề nghị cấp mới thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số Quyết định kết nạp hội viên

II. Danh sách đề nghị đổi thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số thẻ hoặc Số Quyết định kết nạp hội viên

III. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số thẻ hoặc Số Quyết định kết nạp hội viên

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
CHI HỘI LUẬT GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (1)

Số:/.....

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc cấp, đổi, cấp lại thẻ hội viên

Kính gửi: Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Chi hội Luật gia kính đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam cho hội viên thuộc Chi hội Luật gia (Trong đó, cấp mới thẻ hội viên; đổi thẻ hội viên; cấp lại thẻ hội viên).

Kèm theo Tờ trình này:

- Danh sách đề nghị cấp, đổi và cấp lại thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam;
- 02 ảnh 2x3 cm của mỗi cá nhân trong Danh sách;
- Quyết định kết nạp hội viên (đối với trường hợp cấp thẻ cho hội viên mới);
- Thẻ hội viên cũ (đối với trường hợp, thẻ bị hư hỏng, cũ, mờ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHẤP HÀNH

..... (2)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội
- (2) Chức danh của người ký Tờ trình.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ
CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI THẺ HỘI VIÊN HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
 (Kèm theo Tờ trình số ngày về việc cấp, đổi, cấp lại
 thẻ hội viên của Chi hội Luật gia)

I. Danh sách đề nghị cấp mới thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số Quyết định kết nạp hội viên

II. Danh sách đề nghị đổi thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số thẻ hoặc Số Quyết định kết nạp hội viên

III. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ hội viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số thẻ hoặc Số Quyết định kết nạp hội viên

22

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam

CHỦ TỊCH HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 130/NV-DC-NĐ ngày 04/4/1955 của Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội Luật gia Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội Luật gia tỉnh/ thành phố/ Chi hội Luật gia tại Tờ trình số ngày; Trưởng ban Tổ chức – Cán bộ, Hội Luật gia Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam cho hội viên thuộc Hội Luật gia tỉnh/ thành phố/ Chi hội Luật gia Trong đó, cấp mới thẻ hội viên; đổi thẻ hội viên; cấp lại thẻ hội viên (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Trung ương Hội, Trưởng ban Tổ chức – Cán bộ, Hội Luật gia/ Chi hội Luật gia và các ông (bà) có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều.....;
-;
- Lưu: VT, ...¹.....².

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
¹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
² Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐỔI, CẤP LẠI THẺ HỘI VIÊN

Kính gửi: (1)

Tên tôi là: Giới tính: Nam Nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

Hiện đang sinh hoạt Hội tại Chi hội Luật gia:

Thuộc Hội Luật gia:

Số thẻ hội viên:

Điện thoại: Email:

Tôi làm đơn này xin được: đổi thẻ hội viên cấp lại thẻ hội viên

Lý do: (2)

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hội viên đang sinh hoạt tại Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội làm Đơn xin đổi, cấp lại thẻ hội viên gửi Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội; hội viên đang sinh hoạt tại Hội Luật gia cấp tỉnh làm Đơn gửi Hội Luật gia cấp tỉnh.

(2) Nêu rõ lý do xin đổi/ cấp lại thẻ hội viên.

HỘI LUẬT GIA TỈNH/ TP
⁽¹⁾
 BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:/.....

TỜ TRÌNH

Về việc thu hồi thẻ hội viên đối với hội viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội hoặc hội viên có quyết định cho ra khỏi Hội

Kính gửi: Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Hội Luật gia tỉnh/ thành phố⁽¹⁾ kính đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, quyết định thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam đối với hội viên thuộc Hội Luật gia tỉnh/ thành phố⁽¹⁾ (Trong đó, thu hồi thẻ hội viên đối với trường hợp bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội; thu hồi thẻ hội viên đối với trường hợp có quyết định cho ra khỏi Hội).

(Kèm theo Tờ trình này: Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

.....⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hội Luật gia đã ban hành quyết định kỷ luật hoặc quyết định cho hội viên ra khỏi Hội đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định thu hồi thẻ hội viên. Hội Luật gia cấp huyện gửi đề nghị qua Hội Luật gia cấp tỉnh để tổng hợp trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam.

(2) Chức danh của người ký Tờ trình.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ
THU HỒI THẺ HỘI VIÊN HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

(Kèm theo Tờ trình số ngày về việc thu hồi thẻ hội viên đối với
hội viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội hoặc hội viên có quyết định cho ra khỏi Hội
của Hội Luật gia tỉnh/ thành phố)

I. Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên (đối với trường hợp đã kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số Quyết định kỷ luật	Số thẻ hội viên	Ghi chú

II. Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên (đối với trường hợp có quyết định cho ra khỏi Hội)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh hoạt Hội	Số Quyết định cho ra khỏi Hội	Số thẻ hội viên	Ghi chú

HỘI LUẬT GIA TỈNH/ TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN THƯỜNG TRỰC

....., ngày tháng năm

Số:/.....

TỜ TRÌNH**Về việc thu hồi thẻ hội viên đối với hội viên không tham gia sinh hoạt,
không đóng hội phí liên tục từ hai năm trở lên**Kính gửi: Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam ⁽¹⁾

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Hội Luật gia tỉnh/ thành phố kính đề nghị Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, quyết định thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam đối với hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ 02 năm trở lên thuộc Hội Luật gia tỉnh/ thành phố

.....

(Kèm theo Tờ trình này: Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

..... (2)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chi hội Luật gia có hội viên đang sinh hoạt báo cáo lên Hội Luật gia cấp trên trực tiếp. Hội Luật gia cấp huyện gửi đề nghị qua Hội Luật gia cấp tỉnh. Hội Luật gia cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam xem xét, ban hành quyết định thu hồi thẻ hội viên.

(2) Chức danh của người ký Tờ trình.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
CHI HỘI LUẬT GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (1)

Số:/.....

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc thu hồi thẻ hội viên đối với hội viên không tham gia sinh hoạt,
không đóng hội phí liên tục từ hai năm trở lên**

Kính gửi: Trung ương Hội Luật gia Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày ... tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Chi hội Luật gia⁽¹⁾ kính đề nghị Trung ương Hội Luật gia Việt Nam xem xét, quyết định thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam đối với hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ 02 năm trở lên thuộc Chi hội Luật gia

(Kèm theo Tờ trình này: Danh sách đề nghị thu hồi thẻ hội viên Hội Luật gia Việt Nam).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHẤP HÀNH

.....⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội.

(2) Chức danh của người ký Tờ trình.

HỘI LUẬT GIA¹
BAN THƯỜNG VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Chi hội Luật gia

BAN THƯỜNG VỤ HỘI LUẬT GIA¹

Căn cứ²

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Chi hội Luật gia
trực thuộc Hội Luật gia.....

Điều 2. Chi định Ban Chấp hành lâm thời gồm có các Luật gia³:

- 1. Luật gia.....Ủy viên Ban Chấp hành – Chi hội Trưởng;
- 2. Luật gia.....Ủy viên Ban Chấp hành – Phó Chi hội Trưởng;
- 3. Luật gia.....Ủy viên Ban Chấp hành;

.....

Ban Chấp hành lâm thời có trách nhiệm tổ chức Đại hội.....⁴

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. (Tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan).....và các Luật gia có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều
-
- Lưu: VT,⁶.....⁷.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

.....⁵

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Cấp Hội có thẩm quyền thành lập Chi hội Luật gia trực thuộc.

² Quyết định thành lập Hội.

³ Trường hợp không có Ban Chấp hành lâm thời thì chỉ định Chi hội Trưởng, Phó Chi hội Trưởng lâm thời.

⁴ Quy định về thời gian tổ chức Đại hội theo hướng dẫn tại Điểm 2.3 Khoản 2 Mục IV Hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam.

⁵ Chức vụ của người ký.

⁶ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

⁷ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

DANH SÁCH**LUẬT GIA ĐĂNG KÝ THAM GIA SINH HOẠT**

TẠI CHI HỘI LUẬT GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-..... ngày ... tháng ... năm)

STT	Họ và Tên
1.	Luật gia
2.	Luật gia
3.	Luật gia
4.	Luật gia
5.	Luật gia
.....

Tổng cộng: luật gia

HỘI LUẬT GIA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN THƯỜNG VỤ ¹ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Ban Chấp hành

Chi hội Luật gia khóa, nhiệm kỳ

BAN THƯỜNG VỤ HỘI LUẬT GIA ¹.....

Căn cứ²

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam,

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Ban Chấp hành Chi hội Luật gia
khóa, nhiệm kỳ gồm luật gia có tên dưới đây:

1. Luật gia - Chi hội trưởng
2. Luật gia - Chi hội phó
3. Luật gia - Ủy viên
- -

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều (Tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan)..... và các Luật gia có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều;
-
- Lưu: VT, ...⁴ ...⁵.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

.....³

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Ban Thường vụ hoặc Ban Thường trực (nếu được ủy quyền).

² Quyết định thành lập Hội.

³ Chức vụ của người ký.

⁴ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

⁵ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ứng cử* Hội Luật gia.....)

(* Ban Chấp hành hoặc Ban Kiểm tra)

Ảnh 4x6cm
(có đóng dấu
giáp lai)

1) Họ và tên khai sinh: Nam, Nữ

2) Tên gọi khác: 3) Sinh ngày tháng năm

4) Nơi sinh:

5) Quê quán: (xã, phường), (huyện, quận), (tỉnh, TP).....

6) Nơi ở hiện nay: (số nhà, đường phố, xã, huyện, tỉnh/ TP)

Điện thoại: Cq..... ĐĐ.....; Email.....

7) Nghề nghiệp, Chức vụ hiện nay: (Đảng, đoàn thể, Chính quyền, kể cả chức vụ kiêm nhiệm):

8) Dân tộc:; 9) Tôn giáo:

9): Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../.....; Ngày chính thức...../...../.....

10) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../..... Quân hàm, chức vụ cao nhất (năm).....

11) Ngày tham gia Hội Luật gia Việt Nam:/...../.....; Số thẻ Hội viên:.....

Ngày, tháng, năm giữ chức vụ gì trong Hội Luật gia:.....

12) Trình độ học vấn: Giáo dục phổ thông:.....; Học hàm, học vị cao nhất:

(Lớp mấy)

(GS, PGS, TS, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư,....)

13) Lý luận chính trị:; - Ngoại ngữ:

(Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp)

(Anh: A/B/C/D Nga A/B/C/D Pháp A/B/C/D)

14) Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND (năm, khóa...):

15) Danh hiệu được phong (Năm nào):

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú)

16) Khen thưởng (Huân, huy chương, Bằng khen của Thủ tướng, năm nào):

17) Kỷ luật: (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức....)

18) Tình trạng sức khỏe: (tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính gì)

19) Số chứng minh nhân dân: Ngày cấp, Nơi cấp.....

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

GIỚI THIỆU ỨNG CỬ¹ HỘI LUẬT GIA

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Dân tộc	Ngày vào Đảng	Năm tham gia Hội	Trình độ		Ghi chú
		Nam	Nữ					Chuyên môn	Lý luận chính trị	

Ghi chú: ¹Ghi chức danh được giới thiệu bầu bổ sung (Ủy viên Ban Thường vụ/ Chủ tịch/ Phó Chủ tịch/ Tổng Thư ký/ Ủy viên Thư ký/ Trưởng ban Kiểm tra/ Phó Trưởng ban Kiểm tra).

34

35

HỘI LUẬT GIA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....¹
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kỷ luật đối với Luật gia.....

.....¹

Căn cứ.....².....

Căn cứ Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Hướng dẫn thi hành một số điều của Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày tháng ... năm của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam;

Xét tự kiểm điểm của Luật gia; báo cáo số ngày của Ban Kiểm tra.....;

...¹.....Hội Luật gia nhận thấy: (tóm tắt nội dung, tính chất, mức độ vi phạm của hội viên; ghi rõ đã vi phạm quy định nào theo nội dung kết luận của Ban kiểm tra.....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thi hành kỷ luật Luật gia.....(họ tên, chức vụ Hội, nơi sinh hoạt) bằng hình thức.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. (Tên các tổ chức, đơn vị liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyết định) và Luật gia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Cơ quan lãnh đạo Hội có thẩm quyền ra Quyết định kỷ luật.

² Quyết định thành lập Hội.